

Phụ lục 8: BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ
Thực trạng lĩnh vực Khuyến nông giai đoạn 2021 - 2025
và định hướng giai đoạn 2026 - 2030

1. Đánh giá thực trạng công tác khuyến nông giai đoạn 2021 - 2025

1.1 Về xây dựng và nhân rộng các mô hình

Trong giai đoạn 2021-2025, toàn tỉnh đã xây dựng gần 520 mô hình khuyến nông (Trung tâm Khuyến nông tỉnh triển khai 62 mô hình, các địa phương triển khai gần 460 mô hình), cho khoảng 1.500 hộ dân tham gia và hưởng lợi. Các mô hình được triển khai trên lĩnh vực như trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp và diêm nghiệp; tập trung vào phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm đặc trưng, có lợi thế của tỉnh, các giống mới có năng suất, chất lượng cao, khả năng thích ứng tốt với biến đổi khí hậu, phù hợp với điều kiện Hà Tĩnh, tiết kiệm tài nguyên và thân thiện với môi trường. Các mô hình tập trung vào chuyển giao khoa học kỹ thuật như quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, công nghệ cao, công nghệ số, an toàn sinh học, thích ứng biến đổi khí hậu và gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm. Qua thực tiễn triển khai, các mô hình cơ bản đạt mục tiêu, yêu cầu đề ra, phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, hiệu quả kinh tế và từng bước thay đổi tập quán sản xuất của người dân.

Khoa học công nghệ được đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng vào xây dựng các mô hình, tham gia vào tất cả các khâu trong chuỗi sản xuất. Nhiều mô hình sản xuất theo quy trình VietGAP, GlobalGAP, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số được triển khai thành công. Từ đó, năng suất, chất lượng và giá trị gia tăng của sản phẩm nông nghiệp được nâng lên. Bên cạnh đó, việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm, xây dựng mã vùng trồng, chỉ dẫn địa lý, ... được tăng cường, từng bước đáp ứng yêu cầu thị trường. Nông nghiệp hiệu quả, bền vững được phát triển theo hướng nông nghiệp xanh và hiện đại.

Thông qua xây dựng và nhân rộng các mô hình khuyến nông, cơ cấu sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh từng bước được điều chỉnh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững, góp phần thực hiện hiệu quả mục tiêu tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Nhìn chung, hoạt động chuyển giao khoa học kỹ thuật thông qua xây dựng mô hình đã bám sát chủ trương, định hướng phát triển nông nghiệp của tỉnh qua từng giai đoạn, đồng thời là cơ sở thực tiễn quan trọng cho việc đánh giá, đề xuất sửa đổi, bổ sung các quy định về khuyến nông trong thời gian tới.

1.2. Đào tạo, tập huấn

Công tác đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực công tác khuyến nông và năng lực điều hành, tổ chức sản xuất cũng như chuyên môn sâu về kỹ thuật cho người sản xuất, lực lượng cán bộ khuyến nông được tổ chức đa dạng, phong phú về nội dung, hình thức; đáp ứng nhu cầu của đội ngũ cán bộ khuyến nông và người dân. Đối tượng tham gia gồm cán bộ khuyến nông các cấp, cán bộ quản lý nông nghiệp cấp cơ sở, kỹ thuật viên, thành viên tổ khuyến nông cộng đồng, đại diện hợp tác xã, tổ hợp tác, chủ trang trại, hộ sản xuất tiêu biểu và nông dân trực tiếp tham gia các mô hình sản xuất.

Giai đoạn 2021-2025, toàn tỉnh đã tổ chức hơn 700 lớp đào tạo, tập huấn cho hơn 20.000 lượt người tham gia; trong đó cấp tỉnh gần 100 lớp, cấp cơ sở hơn 600 lớp. Nội dung đào tạo, tập huấn được xây dựng bám sát định hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp và mục tiêu phát triển nông nghiệp, nông thôn của tỉnh trong từng giai đoạn, bảo đảm tính thiết thực, phù hợp với điều kiện sản xuất thực tế. Trọng tâm là phổ biến, quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về khuyến nông; chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật trong trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản; hướng dẫn áp dụng các quy trình sản xuất an toàn, VietGAP, hữu cơ; kỹ thuật phòng, chống dịch bệnh; sử dụng hiệu quả vật tư nông nghiệp gắn với bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đồng thời, tăng cường bồi dưỡng kiến thức về tổ chức lại sản xuất, phát triển hợp tác xã, liên kết theo chuỗi giá trị, quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc, xây dựng thương hiệu và phát triển sản phẩm OCOP. Các nội dung mới như ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số trong nông nghiệp, sử dụng phần mềm quản lý sản xuất, nhật ký điện tử, ... góp phần nâng cao năng lực tiếp cận và làm chủ công nghệ của người sản xuất.

Hình thức tổ chức được thực hiện linh hoạt, đa dạng, kết hợp giữa đào tạo tập trung với hướng dẫn tại cơ sở; giữa lý thuyết với thực hành; gắn tập huấn với mô hình trình diễn, tham quan, học tập kinh nghiệm. Cách làm này giúp học viên dễ tiếp thu, chủ động vận dụng vào điều kiện sản xuất cụ thể tại địa phương.

Thông qua các hoạt động đào tạo, tập huấn và bồi dưỡng thường xuyên, nhận thức và trình độ sản xuất của người dân từng bước được nâng cao; đội ngũ cán bộ khuyến nông được củng cố về chuyên môn, kỹ năng tư vấn, hướng dẫn và tổ chức sản xuất. Qua đó, góp phần chuyển đổi tư duy sản xuất từ nhỏ lẻ sang liên kết, từ chạy theo sản lượng sang chú trọng chất lượng và giá trị gia tăng, đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành và phát triển nông nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

1.3. Thông tin tuyên truyền

Từ 2021-2025, công tác thông tin tuyên truyền đã đóng góp tích cực vào sự phát triển của ngành nông nghiệp. Công tác thông tin tuyên truyền đã cập nhật kịp thời và đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về phát triển nông nghiệp, nông thôn; chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật trong trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản; hướng dẫn áp dụng quy trình sản xuất an toàn, VietGAP, hữu cơ; phòng, chống dịch bệnh; phát triển sản xuất gắn với thị trường, liên kết theo chuỗi giá trị; nâng cao nhận thức về nông nghiệp tuần hoàn, chuyển đổi số và bảo vệ môi trường.

Hình thức tuyên truyền được triển khai đa dạng, linh hoạt: xây dựng, đăng tải tin, bài, chuyên đề trên Cổng thông tin điện tử của Sở và Trang thông tin điện tử của Trung tâm; phối hợp với các cơ quan báo chí của tỉnh xây dựng chuyên mục, phóng sự về khuyến nông; biên soạn, phát hành tài liệu kỹ thuật đến cơ sở; lồng ghép tuyên truyền trong các lớp tập huấn, hội thảo đầu bờ, tham quan mô hình; đồng thời phát huy hiệu quả hệ thống truyền thanh cơ sở và các nền tảng truyền thông số.

Mỗi năm có khoảng 300 chuyên đề, phóng sự và hàng nghìn tin, bài được phát sóng, đăng tải trên Đài Truyền hình, các trang thông tin điện tử của Trung tâm Khuyến nông, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, của các địa phương, ...

Thông qua triển khai đồng bộ công tác thông tin, tuyên truyền, các chủ trương, chính sách và tiến bộ kỹ thuật được chuyển tải kịp thời đến cán bộ và người dân; nhận thức và tư duy sản xuất từng bước chuyển biến theo hướng chủ động ứng dụng khoa học công nghệ, giảm sản xuất nhỏ lẻ, hình thành vùng sản xuất tập trung, liên kết theo chuỗi giá trị. Hoạt động tuyên truyền góp phần nhân rộng mô hình hiệu quả, nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị sản phẩm, tăng cường sản xuất an toàn, bảo vệ môi trường, tạo sự đồng thuận và huy động các nguồn lực tham gia phát triển nông nghiệp bền vững, thực hiện hiệu quả mục tiêu tái cơ cấu ngành và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

1.4. Công tác sự nghiệp giống

Công tác nghiên cứu, khảo nghiệm, sản xuất và cung ứng giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản được quan tâm triển khai, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và khả năng thích ứng của sản xuất nông nghiệp. Hằng năm, Trại thực nghiệm và sản xuất giống cây ăn quả, cây lâm nghiệp duy trì công tác bảo tồn, lưu trữ nguồn gen (80 cây So và 320 cây S₁); chăm sóc 300 cây vườn trình diễn (gồm bưởi Phúc Trạch, cam Chanh, cam Bù, cam V2, cam giòn,...); sản xuất 5.000 cây giống các loại cung ứng cho thị trường; thực nghiệm một số giống cam không hạt từ năm 2024. Đồng thời, thực hiện khảo nghiệm, thử nghiệm một số dòng phân bón, thuốc BVTV mới để khuyến cáo người dân sử dụng. Trong lĩnh vực thủy sản, mỗi năm tuyển chọn và nuôi dưỡng cá bố mẹ; sản xuất, ương nuôi trên 1,2 triệu cá bột các loại; cung ứng 37 tấn cá giống; đồng thời du nhập, khảo nghiệm nhiều giống thủy sản mới có giá trị kinh tế. Trong chăn nuôi, đã triển khai công tác bình tuyển, chọn lọc giống hươu đực giống; điều tra, khảo sát 19.527 con hươu trên 4.000 hộ dân; chọn 169 con hươu đực đạt tiêu chí đưa vào bình tuyển; tiếp tục bình tuyển và chấm điểm ngoại hình chọn 100 cá thể có số điểm cao nhất tại 10 xã và 01 thị trấn. Thực hiện chương trình cải tạo đàn bò theo hướng nâng cao chất lượng theo Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh, góp phần nâng cao tầm vóc, chất lượng đàn vật nuôi và phát triển chăn nuôi theo hướng hàng hóa. Đến nay, Trung tâm Khuyến nông đã cấp phát phối giống 17.145 liều tinh (Red Angus và 3B). Số bò có chửa là 13.788 con trong đó 3.765 con có chửa được phối giống tinh bò Red Angus, 10.023 con có chửa được phối giống tinh bò 3B. Bên cạnh đó, đã tổ chức đánh giá toàn diện khả năng sinh trưởng, năng suất, chất lượng và sức chống chịu của bộ giống lúa chủ lực và một số giống mới triển vọng tại các vùng sinh thái khác nhau trên địa bàn tỉnh, làm cơ sở điều chỉnh cơ cấu giống phù hợp với từng địa phương và từng vụ sản xuất.

1.5. Hợp tác, thu hút nguồn lực và xã hội hóa công tác khuyến nông

Trong thời gian qua, hoạt động hợp tác quốc tế và hợp tác công tư trong lĩnh vực khuyến nông trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh từng bước được tăng cường và triển khai có trọng tâm. Trung tâm Khuyến nông tỉnh đã chủ động phối hợp với Trung tâm Khuyến nông Quốc gia, các Viện nghiên cứu, các Trường đại học tổ chức nhiều hoạt động đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho cán bộ khuyến nông và người sản xuất; đồng thời xây dựng các mô hình trình diễn, tổ chức các diễn đàn @ Nông nghiệp nhằm chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, giới thiệu các quy trình sản xuất tiên tiến, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

Bên cạnh đó, tỉnh đã tranh thủ và lồng ghép hiệu quả nguồn kinh phí từ các dự án, như Dự án WB7, Dự án SIPA, để xây dựng các mô hình nông nghiệp thông

minh thích ứng với biến đổi khí hậu, gắn với hoạt động đào tạo, huấn luyện nông dân về kỹ thuật sản xuất thâm canh đối với các sản phẩm chủ lực của tỉnh như lúa, rau củ quả, cam, bưởi, ong,... Qua đó góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tăng khả năng thích ứng của sản xuất nông nghiệp trước tác động của biến đổi khí hậu. Trong lĩnh vực hợp tác công tư, Trung tâm Khuyến nông tỉnh đã tích cực thu hút các Công ty giống lúa tham gia liên kết với người dân trong khảo nghiệm, sản xuất và lựa chọn các giống mới có năng suất, chất lượng cao, khả năng chống chịu tốt, từng bước bổ sung, hoàn thiện bộ giống chủ lực của tỉnh. Các hoạt động hợp tác này đã góp phần đa dạng hóa nguồn lực, nâng cao hiệu quả hoạt động khuyến nông; tuy nhiên quy mô hợp tác còn chưa lớn, nội dung chủ yếu tập trung vào tư vấn, chuyển giao kỹ thuật, việc phát triển dịch vụ khuyến nông theo cơ chế thị trường còn hạn chế và cần tiếp tục được đẩy mạnh trong thời gian tới.

1.6. Tư vấn, dịch vụ khuyến nông

Thực hiện các chủ trương, chính sách của Trung ương và của tỉnh về đổi mới hoạt động khuyến nông, công tác tư vấn, dịch vụ khuyến nông trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh đã được quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn triển khai theo hướng từng bước chuyển sang cơ chế thị trường có sự hỗ trợ của Nhà nước. Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo, Trung tâm Khuyến nông tỉnh và các địa phương cấp xã đã xây dựng kế hoạch, ban hành hướng dẫn và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các phòng chuyên môn chủ động tổ chức thực hiện. Hiện nay, hoạt động khuyến nông tập trung chủ yếu vào công tác tư vấn thông qua các hình thức như tư vấn trực tiếp tại cơ sở, qua điện thoại, trang thông tin điện tử, diễn đàn @ Nông nghiệp và các chương trình đồng hành cùng nhà nông; nội dung tư vấn xoay quanh chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, lựa chọn giống, quy trình thâm canh, phòng chống dịch bệnh, sử dụng vật tư đầu vào và thông tin thị trường. Kết quả cho thấy, công tác tư vấn được triển khai thường xuyên, kịp thời, đáp ứng nhu cầu thiết thực của người sản xuất, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, mặc dù đã có chỉ đạo về phát triển dịch vụ khuyến nông, việc triển khai các hoạt động cung ứng dịch vụ theo hình thức đặt hàng, đấu thầu còn hạn chế, quy mô nhỏ, chưa nhiều mô hình dịch vụ khuyến nông được thực hiện, hoạt động khuyến nông hiện nay vẫn chủ yếu tập trung vào tư vấn là chính.

1.7. Phát triển hệ thống khuyến nông cộng đồng

Trung tâm Khuyến nông đã triển khai các hoạt động thông tin, truyền thông, trực tiếp hướng dẫn các địa phương thành lập Tổ Khuyến nông cộng đồng; lồng ghép nội dung tuyên truyền qua các chuyên đề nông nghiệp, nông thôn, bài viết trên tờ tin khuyến nông. Đã tổ chức 08 cuộc tọa đàm và biên soạn, in ấn tờ rơi; tổ chức các cuộc tham quan học tập kinh nghiệm và lồng ghép các nội dung vào các cuộc tập huấn, đào tạo khuyến nông để tuyên truyền, hướng dẫn thành lập và nâng cao năng lực hoạt động của tổ khuyến nông cộng đồng.

Đầu năm 2024, toàn tỉnh đã thành lập 183 tổ với 2.377 thành viên. Từ khi thành lập đến hết tháng 6/2025, các Tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ quy định và bước đầu đã góp phần tích cực vào công tác phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Từ ngày 01/7/2025, sau khi thực hiện chính quyền 2 cấp, tỉnh Hà Tĩnh hiện còn 69 xã/phường (trong đó có 60 xã, 09 phường), theo số liệu báo cáo của các địa phương hiện nay toàn tỉnh có 169 tổ với 1.539 thành viên. Tuy nhiên, hoạt động của tổ chưa được quan tâm thực

hiện do thành viên của tổ có nhiều người chuyên đổi vị trí công tác, đơn vị công tác và nhiều người nghỉ chế độ. Hiện nay, đa số địa phương chưa thực hiện kiện toàn tổ khuyến nông cộng đồng sau sắp xếp đơn vị hành chính. Đội ngũ cán bộ khuyến nông cấp xã còn thiếu về số lượng, hạn chế về chuyên môn và kinh nghiệm thực tiễn về công tác khuyến nông.

2. Những tồn tại, hạn chế

2.1. Về xây dựng và nhân rộng mô hình trình diễn: Một số mô hình trình diễn việc nhân rộng còn hạn chế, nhất là về liên kết, kết nối thị trường tiêu thụ để duy trì và phát triển sản xuất; chưa hình thành được chuỗi liên kết ổn định, lâu dài vào các kênh phân phối như siêu thị, nhà hàng, bếp ăn tập thể,...

2.2. Công tác đào tạo, tập huấn: Số lớp tập huấn nâng cao năng lực còn ít so với nhu cầu, nên số lượng học viên được tham gia chưa nhiều. Nội dung tập huấn chủ yếu tập trung vào hướng dẫn kỹ thuật, chưa có đào tạo, huấn luyện chuyên sâu, gắn với thực tế sản xuất trên các lĩnh vực, đối tượng sản xuất; nội dung về thị trường, liên kết chuỗi giá trị, quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc, quản trị kinh doanh, chuyển đổi số còn hạn chế.

2.3. Công tác thông tin tuyên truyền: Máy móc thiết bị chuyên dụng đáp ứng công nghệ mới còn hạn chế; ứng dụng công nghệ số trong tuyên truyền chưa đồng bộ; sản phẩm truyền thông số chưa lan tỏa sâu rộng. Khung giờ phát sóng chuyên đề nông nghiệp nông thôn (21 giờ 40 phút tối thứ 4 hàng tuần) chưa phù hợp, hạn chế người dân tiếp cận thông tin.

2.4. Công tác giống: Hiện nay, một số cây đầu dòng bảo tồn tại vườn hộ như bưởi Phúc Trạch, cam Bù, cam Chanh đang bị già hóa, sinh trưởng kém, năng suất giảm dần, nhiễm sâu bệnh và chết; tỷ lệ cây sinh trưởng, phát triển bình thường chỉ đạt 50-60%.

2.5. Hoạt động của Tổ khuyến nông cộng đồng: Hoạt động của tổ khuyến nông cộng đồng đang mang tính hỗ trợ, lồng ghép, hiệu quả chưa bền vững và chưa tạo được nguồn thu; thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, việc kiện toàn các tổ khuyến nông cộng đồng tại các xã, phường triển khai còn chậm.

3. Nguyên nhân và bài học kinh nghiệm

3.1. Nguyên nhân khách quan

- Biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, dịch bệnh luôn tiềm ẩn nguy cơ bùng phát, gây thiệt hại khó kiểm soát; giá vật tư và nông sản biến động mạnh. Mô hình sản xuất hữu cơ, tuần hoàn đòi hỏi quy trình kỹ thuật nghiêm ngặt, vật tư còn thiếu, giá thành cao, trong khi chưa tạo được thị trường ổn định theo chuỗi, nên người dân chưa mạnh dạn mở rộng sản xuất.

- Nguồn ngân sách bố trí hàng năm còn hạn chế, nhất là kinh phí cho công tác giống, đào tạo, huấn luyện nông dân chuyên nghiệp. Các cơ chế, chính sách hỗ trợ tiêu thụ nông sản chưa thực sự khuyến khích được doanh nghiệp vào đầu tư liên kết theo chuỗi giá trị.

- Hạ tầng và thiết bị phục vụ công tác truyền thông chưa đồng bộ, khung giờ phát sóng chuyên đề chưa phù hợp, làm giảm khả năng tiếp cận thông tin của người dân.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Hoạt động khuyến nông nói chung, nhất là về xây dựng mô hình trình diễn chủ yếu đang thiên về chuyển giao kỹ thuật sản xuất, việc tổ chức sản xuất theo chuỗi giá trị, từ nhu cầu thị trường để làm mô hình khuyến nông, xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm chưa được chú trọng đúng mức; một số mô hình sau khi hoàn thành chưa tạo được kênh tiêu thụ sản phẩm ổn định.

- Hầu hết địa phương chưa bố trí kinh phí hỗ trợ tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động; thành viên tổ chưa được đào tạo, tập huấn chuyên sâu; trang thiết bị, phương tiện làm việc thiếu, ảnh hưởng đến khả năng hỗ trợ, kết nối với người sản xuất.

- Người sản xuất vẫn còn tâm lý trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước, chưa quen với việc chi trả phí dịch vụ tư vấn, kỹ thuật, thị trường; do đó, chưa hình thành cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong việc tiếp cận dịch vụ khuyến nông và đổi mới sản xuất.

3.3. Bài học kinh nghiệm

Qua quá trình triển khai các hoạt động khuyến nông và công tác sự nghiệp trong thời gian qua, có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm chủ yếu sau:

Thứ nhất, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, UBND tỉnh và sự phối hợp chặt chẽ của các sở, ngành, địa phương là yếu tố quyết định bảo đảm các chương trình, mô hình được triển khai đồng bộ, đúng định hướng và đạt hiệu quả thiết thực.

Thứ hai, nội dung triển khai phải bám sát quy hoạch, định hướng tái cơ cấu ngành nông nghiệp, lựa chọn đúng sản phẩm chủ lực, phù hợp điều kiện sinh thái và nhu cầu thị trường; lấy hiệu quả kinh tế và thu nhập của người dân làm thước đo.

Thứ ba, tăng cường liên kết “4 nhà” (Nhà nước - nhà khoa học - doanh nghiệp - nông dân), gắn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật với tổ chức lại sản xuất, tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị, từ đó nâng cao tính bền vững và khả năng nhân rộng mô hình.

Thứ tư, coi trọng công tác đào tạo, tập huấn, thông tin tuyên truyền; đổi mới phương thức hoạt động khuyến nông theo hướng thực hành, “cầm tay chỉ việc”, lấy mô hình thực tế làm trung tâm, giúp người dân dễ tiếp thu và áp dụng.

Thứ năm, chú trọng công tác theo dõi, đánh giá, tổng kết và kịp thời điều chỉnh cơ chế, chính sách, giải pháp tổ chức thực hiện; đồng thời tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý và sản xuất.

4. Mục tiêu, định hướng phát triển giai đoạn 2026-2030

4.1. Mục tiêu

Phát huy vai trò của hệ thống khuyến nông trong chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, tổ chức sản xuất hiệu quả, góp phần thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu và nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn.

- Về công tác xây dựng mô hình, đào tạo tập huấn, thông tin tuyên truyền: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp hiệu quả, an toàn, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp tuần hoàn, giảm phát thải. Nâng cao chất lượng đào tạo, tập huấn theo hướng thực hành, sát thực tiễn; đổi mới phương thức thông tin tuyên truyền, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, đa dạng hóa hình thức truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi tư duy sản xuất của nông dân.

- Về công tác dịch vụ giống: Chủ động khảo nghiệm, lựa chọn, cung ứng các giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản có năng suất, chất lượng, khả năng chống chịu tốt, phù hợp điều kiện sinh thái của tỉnh. Nâng cao hiệu quả quản lý, sản xuất và cung ứng giống đảm bảo đúng quy chuẩn, góp phần nâng cao giá trị sản xuất và khả năng cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp.

4.2. Định hướng phát triển

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình bám sát theo định hướng Chiến lược phát triển khuyến nông đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (theo Quyết định số 4296/QĐ-BNNMT ngày 16/10/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường) và Chương trình Khuyến nông Hà Tĩnh giai đoạn 2026 - 2030 (theo Quyết định số 2989/QĐ-UBND ngày 28/11/2025 của UBND tỉnh) và tình hình thực tế, trong đó tập trung định hướng trên một số lĩnh vực:

+ Lĩnh vực Trồng trọt và bảo vệ thực vật: Phát triển mô hình sản xuất lúa chất lượng cao, giảm phát thải (SRI), cây ăn quả, rau an toàn, sản xuất hữu cơ, VietGAP; ứng dụng cơ giới hóa, tưới tiết kiệm, quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật an toàn, hiệu quả. Tăng cường mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ và truy xuất nguồn gốc.

+ Lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y: Xây dựng mô hình chăn nuôi an toàn sinh học, chăn nuôi hữu cơ, liên kết theo chuỗi giá trị; phát triển giống vật nuôi chất lượng cao; tăng cường các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, đảm bảo an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường.

+ Lĩnh vực Thủy sản: Phát triển mô hình nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao, nuôi thâm canh, bán thâm canh; áp dụng quy trình nuôi an toàn sinh học, thích ứng biến đổi khí hậu; liên kết tiêu thụ sản phẩm, nâng cao hiệu quả kinh tế trên đơn vị diện tích mặt nước.

+ Lĩnh vực Lâm nghiệp: Xây dựng mô hình trồng rừng gỗ lớn, rừng đạt chứng chỉ bền vững; phát triển kinh tế dưới tán rừng; áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng; gắn phát triển lâm nghiệp với sinh kế bền vững cho người dân miền núi.

- Đào tạo, tập huấn: Đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo theo hướng “cầm tay chỉ việc”, tăng thời lượng thực hành tại mô hình, trại thực nghiệm; nâng cao năng lực cho cán bộ khuyến nông, khuyến nông cộng đồng và nông dân nông cốt. Lòng ghép đào tạo về chuyển đổi số, quản trị sản xuất, liên kết thị trường.

- Thông tin tuyên truyền: Đẩy mạnh truyền thông qua hệ thống truyền thanh cơ sở, bản tin, tài liệu kỹ thuật, hội thảo đầu bờ; tăng cường ứng dụng nền tảng số, mạng xã hội để phổ biến tiến bộ kỹ thuật, cảnh báo dịch bệnh, thông tin thị trường kịp thời đến người dân.

- Công tác sự nghiệp giống

+ Giống cây trồng và cây ăn quả: Khảo nghiệm, tuyển chọn giống mới có năng suất, chất lượng, khả năng chống chịu tốt; xây dựng mô hình sản xuất giống tại chỗ, đảm bảo cung ứng giống xác nhận, giống chất lượng cao phục vụ sản xuất.

+ Giống chăn nuôi: Cải thiện chất lượng đàn vật nuôi thông qua lai tạo, sử dụng giống có năng suất cao; quản lý chặt chẽ nguồn giống, nâng cao hiệu quả thụ tinh nhân tạo và nhân giống tập trung.

+ Giồng thủy sản: Chủ động liên kết sản xuất, cung ứng giồng thủy sản đảm bảo chất lượng; kiểm soát nguồn gốc, phòng ngừa dịch bệnh; khuyến khích phát triển cơ sở ương giống tại địa phương.

- Hợp tác, thu hút nguồn lực và xã hội hóa công tác khuyến nông: Tăng cường liên kết với doanh nghiệp, hợp tác xã, viện, trường trong xây dựng mô hình và chuyển giao kỹ thuật; huy động nguồn lực xã hội hóa, vốn đối ứng của người dân và doanh nghiệp; thúc đẩy hợp tác công - tư trong phát triển nông nghiệp bền vững.

- Phát triển hệ thống khuyến nông cộng đồng: Củng cố, nâng cao năng lực đội ngũ khuyến nông cơ sở; xây dựng mạng lưới khuyến nông viên cộng đồng tại các thôn, xã; phát huy vai trò nông dân sản xuất giỏi làm hạt nhân lan tỏa tiến bộ kỹ thuật. Từng bước xây dựng hệ thống khuyến nông chuyên nghiệp, hiện đại, gắn với chuyển đổi số và phát triển nông nghiệp xanh, đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp trong giai đoạn mới.

5. Những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm

5.1. Về kiện toàn tổ chức và nâng cao năng lực hệ thống khuyến nông

Tiếp tục rà soát, sắp xếp, kiện toàn bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; phân định rõ chức năng, nhiệm vụ giữa cấp tỉnh và cơ sở. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ khuyến nông thông qua đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về kỹ thuật sản xuất, kỹ năng tổ chức cộng đồng, tư vấn dịch vụ, chuyển đổi số và thích ứng biến đổi khí hậu. Xây dựng đội ngũ khuyến nông viên cơ sở vững chuyên môn, am hiểu thực tiễn, đủ năng lực triển khai khuyến nông cộng đồng.

5.2. Về thể chế, cơ chế chính sách

Tham mưu hoàn thiện cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình, dự án khuyến nông theo hướng linh hoạt, phù hợp thực tiễn sản xuất của tỉnh, gắn với Chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn, môi trường, xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030. Đề xuất chính sách hỗ trợ phát triển mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, liên kết doanh nghiệp - hợp tác xã - nông dân; khuyến khích ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn. Tăng cường cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ gắn với hiệu quả và sản phẩm đầu ra cụ thể.

5.3. Về khoa học công nghệ và kỹ thuật

Đẩy mạnh chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ tưới tiết kiệm, giống cây trồng - vật nuôi chất lượng cao, quy trình sản xuất an toàn, thích ứng biến đổi khí hậu. Xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất ứng dụng công nghệ cao, công nghệ số, mô hình nông nghiệp tuần hoàn, giảm phát thải. Tăng cường liên kết với các viện, trường, doanh nghiệp để cập nhật và thử nghiệm các tiến bộ kỹ thuật mới phù hợp điều kiện Hà Tĩnh.

5.4. Đẩy mạnh xã hội hóa các hoạt động khuyến nông

Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức xã hội tham gia cung ứng dịch vụ khuyến nông; đa dạng hóa nguồn lực đầu tư cho hoạt động đào tạo, xây dựng mô hình, chuyển giao kỹ thuật. Phát triển các mô hình liên kết sản xuất – tiêu thụ bền vững; nâng cao vai trò của khuyến nông cộng đồng trong kết nối thị trường, xây dựng thương hiệu và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

5.5. Tổ chức thực nghiệm, phát huy hiệu quả trại thực nghiệm

Khai thác hiệu quả trại thực nghiệm làm nơi thử nghiệm giống mới, quy trình kỹ thuật mới trước khi nhân rộng; đồng thời là địa điểm đào tạo, tham quan, thực

hành cho nông dân và cán bộ cơ sở. Gắn hoạt động thực nghiệm với nhu cầu thực tiễn sản xuất, đảm bảo tính ứng dụng cao, có đánh giá, tổng kết và nhân rộng kịp thời.

5.6. Chuyển đổi số hoạt động khuyến nông

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và chuyển giao kỹ thuật; xây dựng cơ sở dữ liệu về mô hình, quy trình kỹ thuật, thị trường nông sản. Tăng cường sử dụng nền tảng số, mạng xã hội, hệ thống tư vấn trực tuyến để phổ biến kiến thức, cảnh báo dịch bệnh, thời tiết kịp thời đến người dân. Từng bước hình thành hệ sinh thái khuyến nông số đồng bộ gắn với chuyển đổi số ngành nông nghiệp và môi trường.

5.7. Nhiệm vụ trọng tâm năm 2026

Tập trung xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất hiệu quả, thích ứng biến đổi khí hậu; phát triển mô hình liên kết theo chuỗi giá trị chủ lực của tỉnh. Nâng cao chất lượng đào tạo, tập huấn theo hướng thực hành. Hoàn thiện cơ sở dữ liệu số và thí điểm một số mô hình khuyến nông số. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả các chương trình, dự án; đảm bảo sử dụng nguồn lực tiết kiệm, hiệu quả, góp phần phát triển nông nghiệp Hà Tĩnh bền vững, hiện đại.

6. Nguồn lực đầu tư giai đoạn 2026-2030

Tổng nhu cầu kinh phí thực hiện Đề án giai đoạn 2026-2030 được xác định trên cơ sở các nhiệm vụ trọng tâm về xây dựng mô hình, đào tạo tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật, chuyển đổi số, thực nghiệm giống và củng cố hệ thống khuyến nông, trong đó tập trung vào Chương trình Khuyến nông tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026-2030 đã được UBND phê duyệt tại Quyết định số 2989/QĐ-UBND ngày 28/11/2025 và Nghị quyết quy định chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn, bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026-2030. Nguồn kinh phí thực hiện dự kiến huy động từ các nguồn sau:

- Lồng ghép các chương trình, dự án ngân sách Trung ương: Tập trung tối đa nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia (xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng khó khăn), các chương trình khuyến nông Trung ương, chương trình khoa học công nghệ và các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất. Việc lồng ghép đảm bảo đúng mục tiêu, đối tượng, tránh trùng lặp, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Nguồn kinh phí hỗ trợ của ngân sách tỉnh: Ngân sách tỉnh bố trí kinh phí hàng năm cho hoạt động khuyến nông theo kế hoạch được phê duyệt, ưu tiên các nhiệm vụ trọng tâm: xây dựng và nhân rộng mô hình hiệu quả, đào tạo nâng cao năng lực cán bộ và nông dân, chuyển đổi số trong khuyến nông, hoạt động trải nghiệm và các mô hình liên kết chuỗi giá trị. Đây là nguồn lực chủ đạo, đảm bảo tính ổn định và bền vững của Đề án.

- Nguồn kinh phí đầu tư của ngân sách xã: Ngân sách cấp xã chủ động bố trí nguồn lực hỗ trợ triển khai mô hình tại địa phương, nhất là các mô hình sản xuất gắn với sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP, phát triển kinh tế tập thể. Việc huy động nguồn địa phương góp phần tăng tính chủ động, trách nhiệm và phù hợp với nhu cầu thực tiễn cơ sở.

- Huy động các nguồn vốn hợp pháp khác: Tăng cường xã hội hóa, huy động nguồn vốn đối ứng từ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ dân tham gia mô hình; nguồn tài trợ, viện trợ hợp pháp; vốn tín dụng ưu đãi và các nguồn huy động hợp pháp khác. Khuyến khích doanh nghiệp tham gia đầu tư liên kết sản xuất - tiêu thụ, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số trong nông nghiệp.

7. Dự kiến Danh mục các chương trình, dự án trọng điểm, ưu tiên đầu tư lĩnh vực Khuyến nông

Căn cứ mục tiêu phát triển nông nghiệp bền vững, thích ứng biến đổi khí hậu và tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2026-2030, lĩnh vực Khuyến nông dự kiến và xác định một số chương trình, dự án trọng điểm, ưu tiên đầu tư như sau:

7.1. Chương trình khuyến nông phát triển sản phẩm chủ lực tỉnh: Tập trung xây dựng và nhân rộng mô hình sản xuất đối với các cây trồng, vật nuôi chủ lực (lúa chất lượng cao, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc, nuôi trồng thủy sản...). Hình thành các mô hình liên kết theo chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm, truy xuất nguồn gốc, xây dựng thương hiệu.

7.2. Dự án ứng dụng khoa học công nghệ và nông nghiệp tuần hoàn: Xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, cơ giới hóa đồng bộ, tưới tiết kiệm, sản xuất hữu cơ, VietGAP; mô hình nông nghiệp tuần hoàn, giảm phát thải, thích ứng biến đổi khí hậu. Tăng cường thử nghiệm giống mới, quy trình kỹ thuật mới tại trại thực nghiệm trước khi nhân rộng.

7.3. Chương trình phát triển khuyến nông cộng đồng và nâng cao năng lực hệ thống: Củng cố tổ chức khuyến nông cơ sở; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, kỹ năng tư vấn, chuyển giao kỹ thuật, kỹ năng chuyển đổi số cho cán bộ khuyến nông và nông dân nòng cốt. Xây dựng đội ngũ khuyến nông viên cộng đồng đủ năng lực hỗ trợ sản xuất tại địa phương.

7.4. Dự án chuyển đổi số trong hoạt động khuyến nông: Xây dựng cơ sở dữ liệu số về mô hình, quy trình kỹ thuật, thị trường nông sản; phát triển nền tảng tư vấn kỹ thuật trực tuyến, ứng dụng cảnh báo thời tiết, dịch bệnh; số hóa tài liệu đào tạo và hệ thống quản lý mô hình. Thí điểm mô hình “khuyến nông số” tại một số địa phương.

7.5. Dự án phát huy hiệu quả trại thực nghiệm: Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thử nghiệm giống, quy trình kỹ thuật mới; xây dựng mô hình trình diễn, điểm tham quan – học tập thực hành cho nông dân và cán bộ cơ sở; gắn thực nghiệm với nhu cầu thực tiễn sản xuất của tỉnh.

7.6. Chương trình khuyến nông phục vụ xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững: Hỗ trợ xây dựng mô hình sinh kế hiệu quả cho hộ nghèo, cận nghèo; phát triển sản phẩm OCOP; thúc đẩy kinh tế tập thể, hợp tác xã nông nghiệp; nhân rộng các mô hình sản xuất gắn với nâng cao thu nhập và bảo vệ môi trường.

7.7. Dự án liên kết sản xuất - tiêu thụ và xã hội hóa hoạt động khuyến nông: Thúc đẩy hợp tác công - tư (PPP) trong xây dựng mô hình; khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia đầu tư, chuyển giao kỹ thuật, bao tiêu sản phẩm; đa dạng hóa nguồn lực cho hoạt động khuyến nông.

8. Tổ chức thực hiện

Để triển khai hiệu quả Đề án Phát triển nông nghiệp giai đoạn 2026–2030, cần tổ chức thực hiện với các nội dung trọng tâm như sau:

8.1. Trung tâm Khuyến nông tỉnh

Trung tâm Khuyến nông tỉnh là đơn vị chủ trì tham mưu, xây dựng kế hoạch Khuyến nông để triển khai hằng năm; tổ chức thực hiện các chương trình, dự án, mô hình khuyến nông theo mục tiêu Đề án. Chủ động phối hợp với các phòng chuyên môn thuộc Sở, các địa phương, doanh nghiệp, hợp tác xã để xây dựng mô hình liên kết sản xuất - tiêu thụ, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số trong nông nghiệp.

Tổ chức đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ khuyến nông và nông dân; xây dựng tài liệu hướng dẫn kỹ thuật phù hợp điều kiện thực tiễn của tỉnh. Thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả mô hình; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

8.2. Phối hợp với các sở, ngành và địa phương

Phối hợp chặt chẽ với các phòng chuyên môn của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND các xã, đơn vị liên quan trong việc lựa chọn địa điểm, đối tượng, nội dung mô hình phù hợp quy hoạch và định hướng phát triển sản xuất của từng địa phương. Lồng ghép hiệu quả các nguồn lực từ các chương trình, dự án để triển khai đồng bộ, tránh trùng lặp, dàn trải.

Hướng dẫn, hỗ trợ khuyến nông cơ sở và khuyến nông cộng đồng triển khai nhiệm vụ; phát huy vai trò của hợp tác xã, tổ hợp tác, doanh nghiệp trong liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

8.3. Cơ chế quản lý và sử dụng kinh phí

Việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Đề án và các nguồn lực đầu tư từ Ngân sách nhà nước cho công tác khuyến nông đảm bảo đúng quy định của pháp luật; công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả. Thực hiện phân bổ nguồn lực theo kế hoạch hằng năm gắn với mục tiêu, sản phẩm đầu ra cụ thể; tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả và hiệu quả sử dụng vốn.

8.4. Công tác kiểm tra, giám sát và báo cáo

Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát định kỳ và đột xuất; đánh giá kết quả thực hiện theo từng giai đoạn. Ứng dụng công nghệ thông tin trong theo dõi, tổng hợp số liệu và báo cáo. Kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai; đề xuất điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ phù hợp thực tiễn.

8.5. Tổ chức sơ kết, tổng kết và nhân rộng

Hằng năm tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện; giai đoạn 2026-2030 tổ chức tổng kết, rút kinh nghiệm và đề xuất định hướng giai đoạn tiếp theo. Các mô hình có hiệu quả cao, có khả năng lan tỏa sẽ được tổng kết, hoàn thiện quy trình và nhân rộng trên địa bàn toàn tỉnh./.

TRUNG TÂM KHUYẾN NÔNG HÀ TĨNH
GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Ngọc

